

**MA TRẬN BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ II- SINH 11**  
**THỜI GIAN: 45 PHÚT**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Số tiết	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm	
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian
				Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL		
1	Khái quát cảm ứng ở sinh vật	+ Khái niệm cảm ứng + Vai trò của cảm ứng đối với sinh vật + Cơ chế của cảm ứng	1												
2	Cảm ứng ở thực vật	+ Khái niệm, vai trò của cảm ứng + Đặc điểm và cơ chế cảm ứng + Các hình thức biểu hiện + Ứng dụng	2	1	1,0							1		1,0	0,25
3	Cảm ứng ở động vật	+ Các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau + Các dạng hệ thần kinh + Tế bào thần kinh + Truyền tin qua synapse + Phản xạ + Các bệnh liên quan hệ thần kinh	5				1	5,0					1	5,0	1,0
4	Tập tính ở động vật	+ Khái niệm, phân loại tập tính + Một số dạng tập tính phổ biến ở động vật + Pheromone + Một số hình thức học tập ở động vật	3			2	2,0	1	1,5			3		3,5	0,75
5	Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	+ Khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật + Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển + Vòng đời và tuổi thọ của sinh vật	1			1	1,0					1		1,0	0,25
6	Sinh trưởng và phát triển ở	+ Đặc điểm + Mô phân sinh + Sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp	4	3	3,0			1	1,5			4		4,5	1,0

	thực vật	+ Hormone thực vật + Phát triển ở thực vật có hoa												
<b>7</b>	Sinh trưởng và phát triển ở động vật	+ Đặc điểm + Các giai đoạn phát triển ở động vật và người + Các hình thức sinh trưởng và phát triển + Các nhân tố ảnh hưởng + Tuổi dậy thì, tránh thai và bệnh, tật	4	3	3,0	11,0					4	1	9,0	2,0
	Khái quát về sinh sản ở sinh vật	+ Khái niệm sinh sản + Vai trò sinh sản + Các hình thức sinh sản ở sinh vật	1	2	2,0						2		2,0	0,5
	Sinh sản ở thực vật	+ Sinh sản vô tính + Ứng dụng của sinh sản vô tính ở thực vật + Sinh sản hữu tính	3	3	3,0	3,0	1	1,5			7		7,5	1,75
	Sinh sản ở động vật	+ Sinh sản vô tính + Sinh sản hữu tính + Điều hoà sinh sản	4	4	4,0	1,0	1,0	1,5	1	5,0	6		11,5	2,5
<b>Tổng</b>			28	16	16,0	83,0	4	11	1	50	28	3	45,0	10,0
<b>Tỉ lệ</b>				40	30	20	10							100
				<b>70</b>			<b>30</b>							100

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN SINH HỌC 11  
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ	Mức độ kiểm tra đánh giá	Số câu		Câu hỏi	
					TN	TL	TN	TL
<b>CẢM ỨNG Ở SINH VẬT ( 8 tiết)</b>								
1	<b>Khái quát về cảm ứng ở sinh vật</b>	+ Khái niệm cảm ứng + Vai trò của cảm ứng đối với sinh vật + Cơ chế của cảm ứng	Nhận biết Thông hiểu	– Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  Trình bày được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật.  Trình bày được cơ chế cảm ứng ở sinh vật: thu nhận kích thích, dẫn truyền kích thích, phân tích và tổng hợp, trả lời kích thích				
2	<b>Cảm ứng ở thực vật</b>	+ Khái niệm, vai trò của cảm ứng + Đặc điểm và cơ chế cảm ứng + Các hình thức biểu hiện + Ứng dụng	Nhận biết	Nêu được khái niệm cảm ứng ở thực vật. Trình bày được đặc điểm cảm ứng ở thực vật Nêu được một số hình thức biểu hiện của cảm ứng ở thực vật: vận động hướng động và vận động cảm ứng.	1		1	
			Thông hiểu	Trình bày được cơ chế cảm ứng ở thực vật.				
			Vận dụng	Phân tích được vai trò cảm ứng đối với thực vật. Thông qua thực hành mô tả được hiện tượng cảm ứng ở một số loài cây.				
			Vận dụng cao	Vận dụng được hiểu biết về cảm ứng ở thực vật để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. Thiết kế được thí nghiệm về cảm ứng ở một số loài cây.				
3	<b>Cảm ứng ở động vật</b>	Các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau	Thông hiểu	Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau.				
			Thông hiểu	Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ), phân biệt được hệ thần kinh dạng ống với hệ thần kinh dạng lưới và dạng chuỗi hạch.				
			Nhận biết	Dựa vào hình vẽ, nêu được cấu tạo của tế bào thần kinh.				
Dựa vào hình vẽ, nêu được chức năng của tế bào thần kinh.								
		+ Tế bào thần kinh + Truyền						

		tin qua synapse		Dựa vào sơ đồ, mô tả được cấu tạo synapse.				
			Thông hiểu	Dựa vào sơ đồ, mô tả được quá trình truyền tin qua synapse.				
		+ Phản xạ	Nhận biết	Nêu được khái niệm phản xạ				
		+ Các bệnh liên quan hệ thần kinh		Nêu các dạng thụ thể				
				Nêu được vai trò của các thụ thể (các thụ thể cảm giác về: cơ học, hoá học, điện, nhiệt, đau)				
				Nêu được vai trò các cảm giác vị giác, xúc giác và khứu giác trong cung phản xạ.				
			Thông hiểu	Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ (các thụ thể, dẫn truyền, phân tích, đáp ứng).				
				Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện				
				Nêu được đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Lấy được các ví dụ minh họa.				
				Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện. Lấy được các				
			Vận dụng	Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác...				
				Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của các cơ quan cảm giác (tai, mắt).	1		29	
				Phân tích được đáp ứng của cơ xương trong cung phản xạ.				
			Vận dụng cao	Vận dụng hiểu biết về hệ thần kinh để giải thích được cơ chế giảm đau khi uống và tiêm thuốc giảm đau.				
				Đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh: không lạm dụng chất kích thích; phòng chống nghiện và cai nghiện các chất kích thích				
3	- Tập tính ở động vật	+ Khái niệm, phân loại tập tính + Một số dạng tập tính phổ biến ở động vật + Pheromone + Một số hình	Nhận biết	Nêu được khái niệm tập tính ở động vật.				
				Nêu được một số hình thức học tập ở động vật.				
			Thông hiểu	Lấy được một số ví dụ minh họa các dạng tập tính ở động vật.	1		2	
				Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được.	1		3	
				Lấy được ví dụ minh họa về tập tính bẩm sinh.				
				Lấy được ví dụ minh họa về tập tính học được.				
				Lấy được ví dụ minh họa về một số hình thức học tập ở động vật.				
				Thông qua quan sát, mô tả được tập tính của một số động vật.				
Vận dụng	Phân tích được vai trò của tập tính đối với đời sống động vật.	1		4				

		thức học tập ở động vật		Lấy được ví dụ chứng minh pheromone là chất được sử dụng như những tín hiệu hoá học của các cá thể cùng loài.				
		Vận dụng cao		Trình bày được một số ứng dụng: Dạy động vật làm xiếc; dạy trẻ em học tập				
				Bảo vệ mùa màng				
				Ứng dụng pheromone trong thực tiễn.				
				Giải thích được cơ chế học tập ở người.				

### SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT (5 tiết)

4	Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	+ Khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật + Mọi quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển	Nhận biết	Nêu được khái niệm sinh trưởng ở sinh vật				
				Nêu được khái niệm phát triển ở sinh vật.				
			Thông hiểu	Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng ở sinh vật: tăng khối lượng và kích thước tế bào; tăng số lượng tế bào.				
				Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của phát triển ở sinh vật: + Phân hoá tế bào và phát sinh hình thái; + Chức năng sinh lí; + Điều hoà.				
			Vận dụng	Phân tích được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.				
			+ Vòng đời và tuổi thọ của sinh vật	Nhận biết	Nêu được khái niệm vòng đời của sinh vật.			
		Nêu được khái niệm tuổi thọ của sinh vật.						
		Thông hiểu		Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người.	1		5	
				Lấy được ví dụ minh hoạ về tuổi thọ sinh vật.				
		Vận dụng		Lấy được ví dụ minh hoạ về vòng đời sinh vật.				
		Vận dụng cao		Trình bày được một số ứng dụng hiểu biết về vòng đời của sinh vật trong thực tiễn.				
		5	Sinh trưởng và phát triển ở thực vật	+ Đặc điểm + Mô phân sinh + Sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp + Hormo	Nhận biết	Nêu được đặc điểm sinh trưởng ở thực vật.		
Nêu được đặc điểm phát triển ở thực vật.	1						6	
Nêu được khái niệm mô phân sinh.	1						7	
Nêu được khái niệm hormone thực vật.								
Nêu được vai trò hormone thực vật.	1						8	
Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật.								
Thông hiểu	Phân biệt được các loại mô phân sinh.							
	Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp ở thực vật.							
	Trình bày được quá trình sinh trưởng thứ cấp ở thực vật.							

		ne thực vật +Phát triển ở thực vật có hoa		Phân biệt được các loại hormone kích thích tăng trưởng và hormone ức chế tăng trưởng. Trình bày được sự tương quan các hormone thực vật. Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được quá trình phát triển ở thực vật có hoa. Trình bày được các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa.				
			<b>Vận dụng</b>	Nêu được ví dụ minh họa về sự tương quan các hormone thực vật. Lấy được ví dụ minh họa về các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa. Phân tích được một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật.	1		9	
			<b>Vận dụng cao</b>	Trình bày được một số ứng dụng của hormone thực vật trong thực tiễn. Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở thực vật để giải thích một số ứng dụng trong thực tiễn (ví dụ: kích thích hay hạn chế sinh trưởng, giải thích vòng gỗ,...). Thông qua thực hành: + Mô tả được tác dụng của bấm ngọn, tỉa cành, phun kích thích tố lên cây. + Tính được tuổi của cây.				
6	Sinh trưởng và phát triển ở động vật	+ Đặc điểm +Các giai đoạn phát triển ở động vật và người +Các hình thức sinh trưởng và phát triển	<b>Nhận biết</b>	Nêu được đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở động vật.	1		10	
			<b>Thông hiểu</b>	+Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được các giai đoạn chính trong quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật (giai đoạn phôi và giai đoạn hậu phôi). +Phân biệt được các hình thức phát triển qua biến thái và không qua biến thái. +Dựa vào hình ảnh (hoặc sơ đồ, video), trình bày được các giai đoạn phát triển của con người từ hợp tử đến cơ thể trưởng thành.		1		30
			<b>Vận dụng</b>	Phân tích được ý nghĩa của sự phát triển qua biến thái hoàn toàn ở động vật đối với đời sống của chúng.				
			<b>Vận dụng cao</b>	Vận dụng được hiểu biết về các giai đoạn phát triển để áp dụng chế độ ăn uống hợp lí.				
		+ Các nhân tố ảnh hưởng	<b>Nhận biết</b>	+Nêu được ảnh hưởng của các nhân tố bên trong đến sinh trưởng và phát triển động vật (di truyền; giới tính; hormone sinh trưởng và phát triển). +Nêu được vai trò của một số hormone đối với hoạt động sống của động vật.	1 1		11 12	
			<b>Thông hiểu</b>	Trình bày được ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển động vật (nhiệt độ, thức ăn,...).	1		13	

			<b>Vận dụng</b>	Phân tích được khả năng điều khiển sự sinh trưởng và phát triển ở động vật.				
			<b>Vận dụng cao</b>	– Vận dụng hiểu biết về hormone để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: không lạm dụng hormone trong chăn nuôi; thiên hoạn động vật;...) Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở động vật vào thực tiễn (ví dụ: đề xuất được một số biện pháp hợp lý trong chăn nuôi nhằm tăng nhanh sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi; tiêu diệt côn trùng, muỗi;...).				
		+ Tuổi dậy thì, tránh thai và bệnh, tật	<b>Vận dụng</b>	Phân tích được đặc điểm tuổi dậy thì ở người.				
			<b>Vận dụng cao</b>	– Ứng dụng được hiểu biết về tuổi dậy thì để bảo vệ sức khoẻ, chăm sóc bản thân và người khác.				
7	Khái quát về sinh sản ở sinh vật	+ Khái niệm sinh sản + Vai trò sinh sản + Các hình thức sinh sản ở sinh vật.	<b>Nhận biết</b>  <b>Thông hiểu</b>	Phát biểu được khái niệm sinh sản. Phát biểu được khái niệm sinh sản vô tính. Phát biểu được khái niệm sinh sản hữu tính.  – Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của sinh sản ở sinh vật (vật chất di truyền, truyền đạt vật chất di truyền, hình thành cơ thể mới, điều hoà sinh sản). Trình bày được vai trò của sinh sản đối với sinh vật. Phân biệt được các hình thức sinh sản ở sinh vật (sinh sản vô tính, sinh sản hữu tính).	1  1		14  15	
8	Sinh sản ở thực vật	+ Sinh sản vô tính +Ứng dụng của sinh sản vô tính ở thực vật + Sinh sản hữu tính	<b>Nhận biết</b>  <b>Thông hiểu</b>  <b>Vận dụng</b>  <b>Vận dụng cao</b>	+Nêu được cấu tạo chung của hoa. +Trình bày được các phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật.  +Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật (sinh sản bằng bào tử, sinh sản sinh dưỡng). +So sánh được sinh sản hữu tính với sinh sản vô tính ở thực vật. +Trình bày được quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi, thụ phấn, thụ tinh, hình thành hạt, quả.  Trình bày được ứng dụng của sinh sản vô tính ở thực vật trong thực tiễn.  +Thông qua thực hành, mô tả được quy trình: + Nhân giống cây bằng sinh sản sinh dưỡng; + Thụ phấn cho cây (thụ phấn hoặc quan sát thụ phấn ở ngô).	1  2  1  2  1		16  17, 18  19  20, 21  22	
9	Sinh	+ Sinh	<b>Nhận</b>	+Nêu được một số thành tựu thụ tinh trong ống	4		23,	

sản ở động vật	sản vô tính + Sinh sản hữu tính + Điều hoà sinh sản	<b>biết</b>	<p>nghiệm. Trình bày được các biện pháp tránh thai.</p> <p>+Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở động vật:</p> <p>+ Hình thành tinh trùng;</p> <p>+ Hình thành trứng;</p> <p>+ Thụ tinh tạo hợp tử;</p> <p>+ Phát triển phôi thai;</p> <p>+ Sự đẻ.</p>			24, 25, 26,	
		<b>Thông hiểu</b>	Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Phân biệt được các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật.	1		27	
		<b>Vận dụng</b>	Lấy được ví dụ ở người về quá trình sinh sản hữu tính: hình thành tinh trùng, trứng; thụ tinh tạo hợp tử; phát triển phôi thai; sự đẻ. Phân tích được cơ chế điều hoà sinh sản ở động vật.	1		28	
		<b>Vận dụng cao</b>	Trình bày được một số ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật và sinh đẻ có kế hoạch ở người		1		31



Họ và tên học sinh: ..... Lớp:..... SBD: ..... Phòng: .....

**I. Trắc nghiệm: (7 điểm)**

**0001:** Đặc điểm cảm ứng ở thực vật là xảy ra

- A.** nhanh, dễ nhận thấy.      **B.** chậm, khó nhận thấy.      **C.** nhanh, khó nhận thấy.      **D.** chậm, dễ nhận thấy.

**0002:** Đâu là tập tính học được (thứ sinh) ở động vật?

- A.** Khi nhìn thấy đèn giao thông màu đỏ, những người qua đường dừng lại.  
**B.** Nhận chăm tơ.  
**C.** Thú con bú sữa mẹ.  
**D.** Hổ săn mồi.

**0003:** Khi nói về tập tính bẩm sinh, phát biểu nào sau đây đúng?

- A.** Tập tính sinh ra đã có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.  
**B.** Tập tính sinh ra đã có, di truyền từ bố mẹ, không đặc trưng cho loài.  
**C.** Tập tính sinh ra đã có, không di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài.  
**D.** Tập tính sinh ra chưa chắc đã có, không di truyền từ bố mẹ, không đặc trưng cho loài.

**0004:** Tập tính giúp động vật...?

- A.** tăng khả năng sinh tồn.      **B.** tăng giác quan cảm nhận.  
**C.** tăng trọng lượng cơ thể.      **D.** tăng khả năng tiến hóa.

**0005:** Các yếu tố sau đây có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người?

- 1/ Gene.      2/ Chế độ ăn uống.      3/ Luyện tập thể dục thể thao.      4/ Môi trường sống.      5/ Lối sống.  
**A.** 2.      **B.** 3.      **C.** 4.      **D.** 5.

**0006:** Phát biểu đúng khi nói về đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật?

- A.** Sinh trưởng và phát triển sẽ dừng lại khi cây bước vào giai đoạn sinh sản.  
**B.** Quá trình sinh trưởng chỉ diễn ra ở đỉnh sinh trưởng của thân.  
**C.** Sinh trưởng và phát triển ở thực vật ít chịu ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh.  
**D.** Quá trình sinh trưởng và phát triển diễn ra ở các vị trí, cơ quan nhất định trên cơ thể thực vật, nơi có sự tồn tại của mô phân sinh.

**0007:** Mô phân sinh ở thực vật là

- A.** nhóm các tế bào chưa phân hóa, nhưng khả năng nguyên phân rất hạn chế.

- B.** nhóm các tế bào chưa phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống của thực vật.
- C.** nhóm các tế bào chưa phân hóa, mất khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống của thực vật.
- D.** nhóm các tế bào phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống của thực vật.

**0008:** Hormone nào sau đây không phải thuộc nhóm hormone kích thích sinh trưởng?

- A.** Gibberellin.
- B.** Auxin.
- C.** Cytokinin.
- D.** Abscisic acid.

**0009:** Khi nói về hai biện pháp: thắp đèn ban đêm ở các vườn trồng hoa cúc vào mùa thu (ngày ngắn hơn đêm) và bắn pháo hoa ban đêm ở các đồng mía vào mùa đông, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A.** Hai biện pháp này đều có tác dụng kìm hãm sự ra hoa.
- B.** Hai biện pháp này đều có tác dụng kích thích sự ra hoa.
- C.** Biện pháp thắp đèn vào ban đêm ở các vườn trồng cúc vào mùa thu có tác dụng kìm hãm sự ra hoa và bắn pháo hoa ban đêm ở các đồng trồng mía vào mùa đông có tác dụng kích thích sự ra hoa.
- D.** Biện pháp thắp đèn vào ban đêm ở các vườn trồng cúc vào mùa thu có tác dụng kích thích sự ra hoa và bắn pháo hoa ban đêm ở các đồng trồng mía vào mùa đông có tác dụng kìm hãm sự ra hoa.

**0010:** Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về đặc điểm sinh trưởng phát triển ở người và động vật?

- A.** Tốc độ sinh trưởng và phát triển của cơ thể không đều theo thời gian.
- B.** Tốc độ sinh trưởng và phát triển của các phần khác nhau của cơ thể diễn ra giống nhau.
- C.** Thời gian sinh trưởng và phát triển đạt kích thước tối đa là khác nhau ở các loài.
- D.** Các cơ quan, hệ cơ quan của phôi thai phát triển theo thời gian khác nhau.

**0011:** Yếu tố nào sau đây được coi là yếu tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật?

- 1/ Gene.    2/ Hormone sinh trưởng.    3/ Hormone testosterone.    4/ nhiệt độ.
- 5/ Thức ăn. 6/ Ánh sáng.

- A.** 1,2,3.
- B.** 1,2.
- C.** 4,5,6.
- D.** 1,2,3,4,5,6.

**0012:** Loại hormone nào sau đây liên quan đến bệnh bướu cổ ở người?

- A.** Testosterone.
- B.** Thyroxine.
- C.** Estrogen.
- D.** Insulin.

**0013:** Trong các yếu tố sau, yếu tố nào là tác nhân ảnh hưởng mạnh mẽ nhất lên quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật và người?

- A.** Thức ăn.
- B.** Nhiệt độ môi trường.
- C.** Độ ẩm.
- D.** Ánh sáng.

**0014:** Sinh sản là quá trình

- A.** tạo ra cơ thể mới, đảm bảo sự phát triển liên tục của loài.
- B.** tạo ra những cá thể mới cần thiết qua nhiều thế hệ.
- C.** tạo ra những cá thể mới bảo đảm sự phát triển không liên tục của loài.
- D.** tạo ra những cá thể mới sống sót qua nhiều thế hệ.

**0015:** Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản

A. có sự kết hợp của 2 giao tử đực và 1 giao tử cái để tạo thành hợp tử.

B. có sự kết hợp của 2 giao tử cái và 1 giao tử đực để tạo thành hợp tử.

C. không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái.

D. có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái để tạo thành hợp tử.

**0016:** Cấu tạo chung của hoa gồm bộ phận bất thụ và bộ phận hữu thụ. Bộ phận nào sau đây thuộc bộ phận bất thụ?

1/ Lá đài      2/ cánh hoa.      3/ Nhụy.      4/ Nhị.

A. 1,2.

B. 3,4.

C. 1,2,3,4.

D. 2,3,4.

**0017:** Các phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật?

A. Giâm cành, chiết cành.

B. Ghép cành, ghép mắt.

C. Nhân giống in vitro.

D. Giâm cành, chiết cành, ghép, nhân giống in vitro.

**0018:** Cắt một đoạn thân cây khoai mì đem trồng trong đất ẩm, sau một thời gian đoạn thân này sẽ mọc chồi và phát triển thành cây khoai mì. Đây là hình thức sinh sản bằng cách

A. chiết cành.

B. giâm cành.

C. ghép cành.

D. nhân giống in vitro.

**0019:** Đặc điểm nào là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

A. Tạo được con có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.

B. Tạo ra nhiều cá thể giống nhau làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá.

C. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

D. Là hình thức sinh sản không phổ biến.

**0020:** Thụ phấn là gì?

A. Quá trình mà bông hoa này nhả phấn ra, bông hoa kia nhả nhụy ra và kết hợp trong không khí.

B. Quá trình mà hạt nhụy bay đến bầu phấn.

C. Quá trình hạt phấn được nhụy tìm đến và kết hợp.

D. Quá trình hạt phấn phát tán và rơi trên núm nhụy phù hợp.

**0021:** Bộ phận nào của hoa biến đổi thành quả?

A. Noãn thụ tinh.

B. Nhụy hoa.

C. Bầu nhụy.

D. Đài hoa.

**0022:** Phần lớn cây ăn quả được trồng trọt mở rộng bằng hình thức

A. gieo từ hạt.

B. ghép cành.

C. giâm cành.

D. chiết cành.

**0023:** Thành tựu nào sau đây không phải là thành tựu của thụ tinh trong ống nghiệm?

A. Thụ tinh trong ống nghiệm là một trong những phương pháp hỗ trợ sinh sản, điều trị hiếm muộn ở người.

B. Lấy trứng và tinh trùng của người cho thụ tinh trong ống nghiệm để tạo thành phôi, sau đó chuyển phôi vào buồng tử cung của phụ nữ để làm tổ và phát triển thành thai nhi.

C. Tiêm một tinh trùng vào trong tế bào chất của của một tế bào trứng để thụ tinh, sau đó cho phôi phát triển và cấy vào buồng tử cung của phụ nữ.

**D.** Lấy nhân tế bào sinh dưỡng của vật nuôi chuyên vào tế bào trứng (cùng loài) đã bỏ nhân, cho phát triển thành phôi sau đó chuyển phôi vào tử cung của vật nuôi cái để vật nuôi cái mang thai sinh con.

**0024:** Các hình thức sinh sản hữu tính ở động vật?

**A.** Đẻ trứng, đẻ bào tử.

**B.** Đẻ thai, đẻ con.

**C.** Đẻ trứng, đẻ trứng thai, đẻ con.

**D.** Đẻ trứng thai, đẻ bào tử.

**0025:** Quá trình sinh sản hữu tính ở người gồm các giai đoạn kế tiếp nhau:

**A.** Hình thành giao tử, thụ tinh và đẻ con.

**B.** Thụ tinh, phát triển phôi thai và đẻ con.

**C.** Hình thành giao tử, thụ tinh, tạo thành hợp tử.

**D.** Hình thành giao tử, thụ tinh, phát triển phôi thai và đẻ con.

**0026:** Một tế bào sinh tinh trùng (tinh bào bậc 1) giảm phân hình thành bao nhiêu tinh trùng?

**A.** 1.

**B.** 2.

**C.** 4.

**D.** 8.

**0027:** Đẻ con là hiện tượng

**A.** phôi phát triển trong cơ thể mẹ và được nuôi dưỡng qua nhau thai.

**B.** phôi phát triển trong cơ thể mẹ nhờ chất dinh dưỡng của noãn hoàng.

**C.** phôi phát triển trong trứng và được mẹ ấp.

**D.** phôi phát triển trong cơ thể mẹ không qua thụ tinh.

**0028:** Testosterone nồng độ cao sẽ

**A.** ức chế tuyến yên và vùng dưới đồi tiết GnRH, FSH và LH.

**B.** ức chế tuyến yên tiết GnRH, FSH và LH.

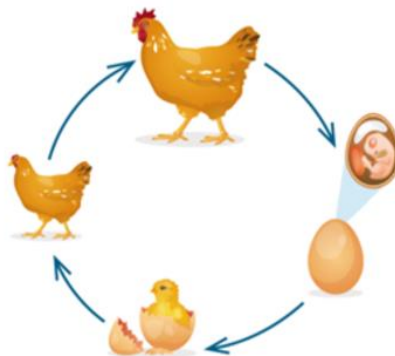
**C.** kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi tăng tiết GnRH, FSH và LH.

**D.** ức chế vùng dưới đồi tiết GnRH, FSH và LH.

## II. Tự luận (3 điểm)

**Câu 29:** Viết sơ đồ quá trình cảm nhận ánh sáng và âm thanh (1đ)

**Câu 30:** Quá trình sinh trưởng phát triển của gà được chia thành mấy giai đoạn, kể tên các giai đoạn? Giai đoạn 1 diễn ra ở đâu? (1đ)



**Câu 31:** Kể tên một số biện pháp tránh thai. Biện pháp tránh thai nào vừa tránh được mang thai và sinh con ngoài ý muốn, vừa tránh được các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục? (1đ)

----- HẾT -----

**Đáp án tự luận:**

**Câu 29:** - Quá trình cảm nhận ánh sáng: Mắt → Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác ở vỏ não. (0,5đ)

- Quá trình cảm nhận âm thanh: Tai → Dây thần kinh thính giác → Vùng thính giác ở vỏ não. (0,5đ)

**Câu 30:** - Gồm 2 giai đoạn; giai đoạn phôi và giai đoạn hậu phôi. (0,5đ)

- Giai đoạn phôi diễn ra trong trứng bên ngoài cơ thể mẹ (0,5đ)

**Câu 31:** - HS liệt kê ít nhất 3 biện pháp: Sử dụng bao cao su, tính vòng kinh, thắt ống dẫn tinh, xuất tinh ngoài... (0,75đ)

- Bao cao su (0,25đ)